

Số: 239/QĐ-TANDTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026  
(đợt 2)

**CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24/6/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH25 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025;

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ Văn bản số 5825/VPCP-KTTH ngày 22/6/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc gia hạn thời gian bố trí vốn cho các dự án của các bộ, cơ quan trung ương;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính tại Tờ trình số 238/TTr-KHTC ngày 29/6/2026,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Giao chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 (đợt 2) cho chủ đầu tư các dự án xây dựng trụ sở thuộc ngành Tòa án nhân dân như sau:

Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước là 145.232 triệu đồng.

(Thông tin chi tiết số vốn phân bổ của các dự án tại phụ lục kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ thông báo vốn đầu tư được giao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo đúng quy định hiện hành của nhà nước trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; khẩn trương triển khai, hoàn thành các dự án theo đúng tiến độ và nội dung đã cam kết.

2. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Định kỳ hàng tháng, chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện dự án, kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên Hệ thống Thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định<sup>1</sup> trước ngày 25 hàng tháng; đồng thời gửi báo cáo bằng văn bản về Tòa án nhân dân tối cao để tổng hợp, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, chủ đầu tư dự án xây dựng trụ sở thuộc ngành Tòa án nhân dân trong danh mục kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. aty

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- KTNN;
- KBNN trung ương;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu VP, Cục KHTC, TK PCA.

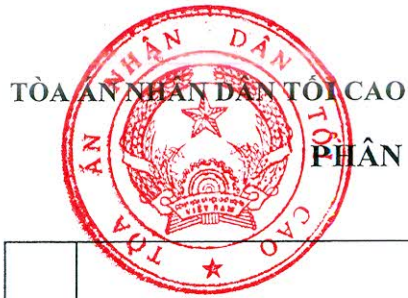
**KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN**



Lê Tiến

<sup>1</sup> Quy định tại khoản 4 Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Hệ thống Thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư tại đường link: <https://nghiepvugiamsatdautu.mof.gov.vn>.



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 (đợt 2)**

(Kèm theo Quyết định số 239/QĐ-TANDTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân tối cao)

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Nội dung                                                                                    | Địa điểm XD                        | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư                 | Mã số dự án đầu tư | Mã ngành kinh tế (loại, khoản) | Thời gian khởi công và hoàn thành | Quyết định đầu tư dự án                            |                  |                    | Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 | Ước lỹ kế giải ngân từ khởi công đến hết KH năm trước | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 |                          |                  | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|------------------|--------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------|---------|
|    |                                                                                             |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   | Số, ngày, tháng, năm                               | Tổng mức vốn đầu |                    |                                                            |                                                       | Tổng số                       | Trong đó                 |                  |         |
|    |                                                                                             |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | Tổng số          | Trong đó: vốn NSNN |                                                            |                                                       |                               | Thu hồi vốn đã ứng trước | Trả nợ đọng XDCB |         |
| 1  | 2                                                                                           | 3                                  | 4                               | 5                          | 6                  | 7                              | 8                                 | 9                                                  | 10               | 11                 | 12                                                         | 13                                                    | 14                            | 15                       | 16               | 17      |
|    | TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO                                                                     |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 5.683.732                                                  | 273.460                                               | 145.232                       |                          |                  |         |
|    | Vốn trong nước                                                                              |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 5.683.732                                                  | 273.460                                               | 145.232                       |                          |                  |         |
|    | Vốn ngân sách nhà nước                                                                      |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 5.683.732                                                  | 273.460                                               | 145.232                       |                          |                  |         |
|    | Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực                                          |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 5.683.732                                                  | 273.460                                               | 145.232                       |                          |                  |         |
|    | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC                                         |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 5.683.732                                                  | 273.460                                               | 145.232                       |                          |                  |         |
| *  | Chuẩn bị đầu tư                                                                             |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 0                | 0                  | 5.608.500                                                  | 0                                                     | 70.000                        |                          |                  |         |
| 1  | Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân các cấp (giai đoạn 1) | TA các cấp                         |                                 |                            |                    | 340-341                        |                                   |                                                    |                  |                    | 5.608.500                                                  |                                                       | 70.000                        |                          |                  |         |
| *  | Thực hiện dự án                                                                             |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 75.232                                                     | 273.460                                               | 75.232                        |                          |                  |         |
|    | Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030                           |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 75.232                                                     | 273.460                                               | 75.232                        |                          |                  |         |
|    | Dự án dự kiến hoàn thành năm 2026                                                           |                                    |                                 |                            |                    |                                |                                   |                                                    | 348.693          | 348.693            | 75.232                                                     | 273.460                                               | 75.232                        |                          |                  |         |
| 1  | TAND tỉnh Thừa Thiên Huế                                                                    | phường Thanh Thủy, TP Huế          | KBNN Khu vực XIII - Phòng NV 2  | TAND TP Huế                | 7820269            | 340-341                        | 21-26                             | 456-30/12/2017-24/01/25<br>361-31/12/25            | 132.242          | 132.242            | 54.569                                                     | 77.672                                                | 54.569                        |                          |                  |         |
| 2  | TAND TX Chí Linh                                                                            | phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng | KBNN Khu vực III - PGD số 8     | TAND Khu vực 9 - Hải Phòng | 7826678            | 340-341                        | 21-26                             | 78B-21/4/21584-24/12/21<br>411-23/10/2417-24/01/25 | 75.651           | 75.651             | 10.651                                                     | 65.000                                                | 10.651                        |                          |                  |         |
| 3  | TAND tỉnh Hà Tĩnh                                                                           | phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh     | KBNN Khu vực XII - Phòng KTNN   | TAND tỉnh Hà Tĩnh          | 7911110            | 340-341                        | 22-26                             | 20-26/01/2217-24/01/25<br>360-31/12/25             | 140.800          | 140.800            | 10.012                                                     | 130.788                                               | 10.012                        |                          |                  |         |